

LUẬN A TỶ ĐẠT MA ĐẠI TỶ BÀ SA

QUYỂN 103

LUẬN THA TÂM TRÍ (Phần 5)

Hỏi: Trong sáu Thông, mấy loại là Minh mà không phải là dẫn dắt, mấy loại là dẫn dắt mà không phải là Minh, mấy loại là minh cũng là dẫn dắt, mấy loại không phải là Minh cũng không phải là dẫn dắt?

Đáp: Hai Thông là Minh mà không phải là dẫn dắt, đó là trí Túc trú tùy niệm chứng Thông, và trí Tử sinh chứng Thông; hai Thông là dẫn dắt mà không phải là Minh, đó là Thần cảnh trí chứng Thông, và Tha tâm trí chứng Thông; một Thông là Minh cũng là dẫn dắt, đó là Lưu tận trí chứng Thông; một Thông không phải là Minh cũng không phải là dẫn dắt, đó là Thiên nhĩ trí chứng Thông.

Hỏi: Vì sao sáu Thông, ba loại là dẫn dắt-ba loại không phải là dẫn dắt?

Đáp: Hiện bày sự việc hiếm có làm cho người khác tin phục, dẫn dắt tiến vào Chánh pháp cho nên gọi là dẫn dắt (Thị đạo). Ba loại có nghĩa này, ba loại khác thì không như vậy, đó là nếu tự mình nói tôi có thể nghe xa, tôi có thể nghe xa, tôi có thể thấy xa, tôi có thể nhớ xa đối với các sự việc của đời trước, thì người khác đều sinh nghi là giả-hay là thật, chứ không lập tức tin phục, cho nên không phải là dẫn dắt.

Từng nghe có một Cư sĩ tin theo pháp của ngoại đạo, cúi đầu thỉnh Thân tử Ly Hệ (ngoại đạo phái Ly Hệ) và đồ chúng của vị ấy, đi đến nhà mình để cúng dường đồ ăn thức uống. Thân tử Ly Hệ vừa đi vào nhà ấy thì liền mỉm cười, Cư sĩ cảm thấy lạ bèn hỏi: Thầy lia bỏ taro cử thì vì sao mà cười vậy? Vị ấy liền trả lời rằng: Ta có phẩm đức tuyệt vời, ông là người tại gia lẽ nào biết hết hay sao? Thế là Cư sĩ thiết tha hỏi về điều đó, vị ấy liền nói rằng: Bên bờ sông Nại-mạt-đà có hai con khỉ, đánh nhau mãi không thôi, cùng rơi xuống dòng sông ấy bị nước

nhấn chìm, Ta vì sự cố ấy mà thương hại cho nên cười vậ thôi. Cư sĩ ca

ngợi rằng: Thật là hiếm có, Thiên nhân của Đại sư thanh tịnh mới như vậy! Giờ ăn đã đến, cư sĩ nghĩ rằng: Mình nên mượn bữa ăn để nghiệm xét việc ấy thật hay giả? Liền lấy cơm che kín thịt đem đến cho thầy trước hết, đem cơm có thịt béo ngay cho đệ tử của vị ấy. Lúc ấy đệ tử của vị kia nhận rồi liền ăn, chỉ một mình thầy không ăn. Cư sĩ hỏi rằng: Đại sư vì sao mà một mình không ăn? Vị ấy nói: Không có thịt thì làm sao ăn được? Cư sĩ nói trêu: Kỳ lạ thay, Thiên nhân quả là có thể thấy xa xứ không thể nào nhìn gần được! Thầy trò ngoại đạo lúc ấy hết sức xấu hổ thẹn thùng.

Vì vậy ba loại như Thiên nhân... không phải là dẫn dắt; tự nói mình nghe xa và có thể nhớ xa, cũng không làm cho người khác lập tức tin phục, đã không tin phục thì làm sao có thể dẫn dắt khiến cho tiến vào Chánh pháp? Vì thế cho nên ba loại này đều không phải là dẫn dắt.

Nếu như là hiện bày rõ ràng Thần cảnh trí Thông, biến một làm nhiều-biến nhiều làm một, cho đến thần lực tự tại như cõi Phạm Thế, làm cho nhiều hữu tình sinh tâm tin phục sâu sắc, dẫn dắt tiến vào Chánh pháp, thì gọi là dẫn dắt... nếu như là hiện bày rõ ràng Tha tâm trí thông, ghi nhận và nói về những ý nghĩ sai biệt trong tâm ấy giống như sự ghi nhận và nói ra, đều là thật chứ không phải là giả, làm cho nhiều hữu tình sinh tâm tin phục sâu sắc, dẫn dắt tiến vào Chánh pháp, thì gọi là dẫn dắt. Nếu như là hiện bày rõ ràng Lộ tận trí Thông, tùy theo sự thích hợp để khuyên nhủ giảng dạy, mau chóng làm cho thấy rõ chân lý-xa lìa bụi bấn phiền não, ở trong các pháp sinh ra Pháp nhãn thanh tịnh, lần lượt xoay chuyển cho đến các lậu vĩnh viễn không còn, khiến cho nhiều hữu tình sinh tâm tin phục sâu sắc, dẫn dắt tiến vào Chánh pháp, thì gọi là dẫn dắt.

Hỏi: Nên hiện bày sự việc thần biến cho những Bồ-đặc-già-la nào?

Đáp: Nếu người quyết định tin đối với Phật pháp, và người không tin thì không nên vì họ mà hiện bày. Nếu người không nhất định thì nên vì họ mà hiện bày để dẫn dắt tiến vào Chánh pháp, bởi vì ngoài cách này ra lại không có phương tiện nào khác. Tại sao biết như vậy?

Như trong kinh nói: “Một thuở nọ, Đức Phật an trú trong rừng Am-la vòng quanh, bên cạnh khu thành Na-đồ-kiến-tha, có con trai của Cư sĩ tên gọi kê-phiệt-đa, đi đến nơi Đức Phật đánh lễ sát hai chân, rồi lùi về đứng một bên mà thưa với Đức Phật rằng: Nay trong thành này yên ổn-dồi dào-vui vẻ, phần lớn mọi người sinh tâm tin tưởng cung kính sâu sắc đối với Phật-Pháp-Tăng bảo, chỉ nguyện đức Thế Tôn để lại một vị

đệ tử luôn luôn ở nơi này, đối với các Sa-môn và Bà-la-môn..., luôn hiện bày thần biến chỉ rõ pháp hơn người, làm cho người tin vào Phật pháp ở trong thành này tăng thêm niềm tin vững chắc bội phần, khiến cho những người không tin qua lại trong chốc lát có thể tin nhận Phật pháp! Lúc ấy Đức Phật bảo với con trai của Cư sĩ kia rằng: Ta không hề để cho các chúng đệ tử, đối với các Sa-môn dòng Bà-la-môn, hiện bày các thần biến chỉ rõ pháp hơn người, nhưng Ta thường khiến cho các chúng đệ tử che giấu điều tốt của mình mà nói rõ điều xấu của mình. Lúc ấy con trai của Cư sĩ lại thưa với Đức Phật rằng: Nếu đệ tử của Đức Phật đối với các Sa-môn dòng Bà-la-môn, hiện bày sự việc thần biến chỉ rõ pháp hơn người, thì có gì sai lầm tai họa mà Đức Phật không cho phép? Nếu đệ tử của Đức Phật che giấu điều tốt của mình mà nói rõ điều xấu của mình, thì có công đức gì mà Đức Phật cho phép? Lúc bấy giờ Đức Thế Tôn bảo với con trai của Cư sĩ: Nay Ta hỏi con, tùy ý con mà trả lời, nếu đệ tử của Ta đối với các Sa-môn dòng Bà-la-môn, hiện bày sự việc thần biến, biến một làm nhiều-biến nhiều làm một, cho đến thần lực tự tại giống như Phạm Thế, người tin Phật pháp thấy sự việc này rồi, hướng về người không tin nói lời như vậy: Kỳ lạ thay, các Thánh đệ tử của Đức Thế Tôn, có năng lực hiện bày sự việc rất hiếm có như vậy! Lúc ấy người không tin nói với người tin rằng: Điều này đâu có hiếm có, thế gian có Minh chú gọi là Kiện-đà-lê, người khéo léo thọ trì cũng có thể hiện bày rõ ràng sự việc huyền ảo làm cho mê hoặc như vậy, người nào có trí mà hiện bày sự việc thấp hèn ấy? Đức Phật bảo với con trai của Cư sĩ: Đối với ý của con thế nào? Có người không tin nói ra như vậy để mỉa mai người tin hay không? Con trai của Cư sĩ thưa rằng: Thật sự có điều này! Đức Thế Tôn lại bảo với con trai của Cư sĩ rằng: Nếu đệ tử của Ta ghi nhận và nói về những ý nghĩ sai biệt trong tâm người khác, giống như sự ghi nhận và nói ra, đều là thật chứ không phải là giả, người tin Phật pháp biết sự việc này rồi, hướng về người không tin nói lời như vậy: Kỳ lạ thay, các Thánh đệ tử của Đức Thế Tôn, mới có sự việc rất hiếm có như vậy! Lúc ấy người không tin nói với người tin rằng: Điều này đâu hiếm có, thế gian có Minh chú gọi là Sát-ni-ca, người khéo léo thọ trì cũng có thể tạo ra sự việc huyền ảo làm cho mê hoặc như vậy, người nào có trí mà làm sự việc thấp hèn ấy? Đức Phật bảo với con trai của Cư sĩ: Đối với ý của con thế nào? Có người không tin nói ra như vậy để mỉa mai người tin hay không? Con trai của Cư sĩ thưa rằng: Thật sự có điều này!

Lúc bấy giờ Đức Thế Tôn bảo với con trai của Cư sĩ: Nếu đệ tử

của Ta đối với các Sa-môn dòng Bà-la-môn, hiện bày sự việc thần biến chỉ rõ pháp hơn người, thì có sai lầm tai họa này, cho nên Ta không đồng ý. Nếu đệ tử của Ta che giấu điều tốt của mình mà nói rõ điều xấu của mình, thì thuận với pháp của Hiền Thánh mà thế gian đã ca ngợi, có công đức ấy cho nên Ta đồng ý.”

Vì vậy cho nên biết người quyết định tin và người không tin, không nên vì họ mà hiện bày các sự việc thần biến. Nếu người không nhất định thì nên vì họ mà hiện bày, phương tiện dẫn dắt giúp cho tiến vào Chánh pháp của Phật.

Trong kinh này, Đức Phật vì con trai của Cư sĩ mà nói về ba loại dẫn dắt:

1. Dẫn dắt bằng thần biến.
2. Dẫn dắt bằng ghi nhận tâm.
3. Dẫn dắt bằng khuyên nhủ.

Hỏi: Vì sao gọi là dẫn dắt (Thị đạo)?

Đáp: Thị nghĩa là hiện bày rõ ràng, đạo có nghĩa dẫn dắt, hiện bày sự việc hiếm có để dẫn dắt tiến vào Chánh pháp cho nên gọi là dẫn dắt. Như người canh cổng thiết lập tên gọi là dẫn dắt, nghĩa là người canh cổng chỉ ra rõ ràng sự việc bên trong để hướng dẫn cho người bên ngoài, chỉ ra rõ ràng sự việc bên ngoài để dẫn dắt cho người bên trong.

Chỉ ra rõ ràng sự việc bên trong để hướng dẫn cho người bên ngoài, nghĩa là người ấy đợi lúc nhà vua, nếu không tắm rửa-ngủ nghỉ-ăn uống-ngắm nhìn vật báu, thì dẫn đường cho người khác tiếp Kiến. Chỉ ra rõ ràng sự việc bên ngoài để dẫn dắt cho người bên trong, nghĩa là người ấy quan sát bên ngoài có dâng tặng tín vật quý hiếm từ nơi khác đến, thì dẫn dắt cho người bên trong đến tiếp nhận. Như vậy, chỉ ra rõ ràng công đức vi diệu trong Chánh pháp của Phật, để phương tiện dẫn dắt mà cảm hóa hữu tình, khiến cho hướng về mà tiến vào, cho nên gọi là dẫn dắt.

Trong kinh này lại nói: “Bồ-tát đầu-giữa và cuối đêm đều dấy khởi Thông-Minh dấy khởi Thông-Minh rồi lúc sao Mai mọc, chứng được Vô thượng Chánh đẳng Bồ-đề. ”

Hỏi: Vì sao đầu-giữa và cuối đêm Bồ-tát đều dấy khởi Thông-Minh?

Đáp: Sau Hằng hà sa số thân Bồ-tát, lúc sắp chứng được quả vị Đại Giác thì pháp cần phải như vậy. Lại nữa, đầu-giữa và cuối đêm đều dấy khởi Thông-Minh, bởi vì muốn làm cho thân mình trở thành pháp

khí. Lại nữa, bởi vì muốn hiện bày thần biến để hiểu rõ ràng sự việc, Thông có năng lực hiện bày thần biến, Minh có năng lực hiểu rõ ràng sự việc, cho nên dấy khởi Thông-Minh. Lại nữa, bởi vì muốn hiện bày an trú đầy đủ để làm công việc lâu xa, Thông hiện bày an trú đầy đủ, Minh làm công việc lâu xa, cho nên dấy khởi Thông-Minh. Lại nữa, bởi vì giống như đạo vô gián-đạo giải thoát, Thông như đạo vô gián, Minh như đạo giải thoát, cho nên dấy khởi Thông như kiến đạo, Minh như Tu đạo, cho nên dấy khởi Thông-Minh. Lại nữa, muốn hiển bày về pháp hữu lậu thiện-vô phú vô ký, pháp hữu lậu-vô lậu và pháp vô lậu hiện rõ trước mắt có tác dụng, cho nên dấy khởi Thông-Minh; pháp hữu lậu thiện, đó là Thần cảnh trí chứng Thông, và trí Túc trú tùy niệm chứng Thông-Minh; pháp vô phú vô ký, đó là Thiên nhãn trí chứng Thông và Thiên nhĩ trí chứng Thông; pháp hữu lậu-vô lậu, đó là Tha tâm trí chứng Thông; pháp vô lậu, đó là trí Luận tận chứng Thông-Minh. Lại nữa, vì muốn lần lượt làm cho ma oán phải hàng phục, cho nên đầu-giữa và cuối đêm đều dấy khởi Thông-Minh.

Từng nghe: “Bồ-tát biết tu khổ hạnh không phải là đạo thực sự rồi, liền nhận bát cháo sữa-mật thơm ngát có đủ mười sáu vị do chị em Nan-đà và Nan-đà-bạt-la đã dâng cúng, ăn xong thân tâm an ổn có sức mạnh, từ bên Đông tử Cát Tường nhận lấy bó cỏ Cát Tường, đi đến dưới tán cây Bồ-đề tự tay mình trải bày, giống như cái mâm của Long vương Bà-tô-cát, thân ngồi Kiết già, ngồi yên rồi liền phát ra lời thề kiên cố: Nếu tôi ở tại nơi này không trừ hết các lậu-chứng được Vô thượng Chánh đẳng Bồ-đề, thề sẽ không đứng dậy!

Lúc bấy giờ mặt đất-biển rộng-núi cao phát ra sáu loại chấn động, như thuyền nhẹ giữa biển bồng bênh theo sóng cao thấp, cho đến cung trời Tha Hóa Tự Tại thảy đều chấn động, giống như gió mạnh thổi vào tàu lá chuối. Ma vương kinh hãi khiếp sợ quán xét nguyên nhân gây ra chấn động, liền thấy Bồ-tát ngồi dưới tán cây Bồ-đề, thân thẳng đứng-không lay động thề giữ lấy quả vị Bồ-đề, lập tức rời khỏi cung điện của mình đi đến nơi Bồ-tát, nói với Bồ-tát rằng: Hỡi con trai của Sát-đế-lợi, nên rời khỏi chỗ ngồi này, nay thời trước a-chúng sinh cang cường, chắc chắn không có thể chứng được Vô thượng Bồ-đề, hãy thuận theo hiện tại tiếp nhận ngôi vị Chuyển Luân Vương, Ta đem bảy vật báu để dâng tặng cho nhau.

Bồ-tát bảo rằng: Nay ông đã nói như dụ dỗ trẻ thơ, mặt trời và trăng sao có thể làm cho rơi rụng, núi rừng mặt đất có thể bay lên giữa hư không, muốn làm cho ta bây giờ không giữ lấy ngôi vị Đại giác, rời

khỏi chỗ ngồi này thì chắc chắn không có điều đó xảy ra!

Lúc bấy giờ Ma vương nói với Bồ-tát rằng: Nếu ông không cần đến lời nói mềm mỏng tốt đẹp của Ta, thì trong chốc lát khiến cho trông thấy sự việc rất khiếp sợ. Nói ra lời này rồi rưới mưa hoa, trở về cung nói với tất cả cõi trời thứ sáu: Các ông mau chóng chuẩn bị cung nổ-gươm dao-vòng xe-dây lụa-giáo mác-mâu kích cùng các vũ khí đánh trận, ta có kẻ thù lớn ở dưới tán cây Bồ-đề, sẽ cùng với các ông gấp rút đến chỗ ấy đánh nhau. Bồ-tát lúc bấy giờ dấy lên ý niệm như vậy: Cùng với phàm phu đánh nhua hãy còn không thể nào tùy tiện, huống là chúa tể Đại tự tại của cõi trời Tha Hóa ư? Nghĩ rồi lập tức tu đạo là nhiệm cõi Dục, là nhiệm của cõi Dục khởi lên Thần cảnh trí Thông của Tĩnh lực thứ nhất, hóa làm các loại vũ khí thù thắng để đối phó kẻ địch; nếu quân ma làm hình dáng loài chim bay đến, thì mình nên hóa làm hình dáng loài mèo bay để đối phó; nếu quân ma làm hình dáng loài chó sói để đối phó; nếu quân ma làm hình dáng loài chó sói; thì mình phải hóa làm hình dáng loài báo để đối phó; nếu quân ma làm hình dáng loài báo, thì mình phải hóa làm hình dáng loài cọp để đối phó; nếu quân ma làm hình dáng loài cọp, thì mình phải hóa làm sư tử để đối phó; nếu quân ma làm hình dáng sư tử, thì mình phải hóa làm lân-rồng để đối phó; nếu quân ma làm hình dáng lân-rồng, thì mình phải hóa làm lửa mạnh để đối phó; nếu quân ma làm hình dáng lửa mạnh, thì mình phải hóa làm mưa lớn để đối phó; nếu quân ma hóa làm hình dáng mưa lớn, thì mình phải hóa làm tàn che lớn để đối phó. Chủng loại đối phó như vậy có vô lượng chủng loại. Lại hóa làm đài cao bằng Phệ-lưu-ly kiên cố, thân tuy ở trong đó mà có thể nhìn thấy rất xa; dưới mặt đất phía trước chỗ ngồi, hóa làm chủng loại có thể phát ra sấm sét gầm vang.

Dấy lên những sự biến hóa này rồi, lại tự nghĩ rằng: Đời trước mình không ngăn cản người khác tu thiện? Liền khởi lên trí Túc trú tùy niệm chứng về Minh, tự thấy đời trước không hề làm chướng ngại những người tu thiện, mà chính là dùng đủ loại những vật dụng tu thiện để cung cấp giúp đỡ cho họ.

Lại tự mình tư duy: Không lẽ thiện nghiệp của mình kém hơn thiện nghiệp của ma kia? Tư duy rồi liền thấy Ma vương ở đời trước, chỉ từng tổ chức một hội bố thí Vô giá (Vô giá hội: Bố thí không ngăn cản), ở trong hội ấy có một vị Độc Giác, nhờ vào thiện nghiệp ấy nay được sinh lên cõi trời; tự thấy mình ở đời trước tổ chức trăm ngàn vạn ức hội Vô giá, số lượng ấy khó biết hết, Phật-Độc giác ... ở trong các hội có

trăm ngàn vạn ức vị, số lượng cũng khó biết hết.

Lại tự mình tư duy: Phước bố thí của mình thì ma kia hãy còn không thể so sánh với nhau, huống là vô lượng thiện nghiệp như Giới-Định thì ma kia đều hết phần hay sao? Dấy lên ý niệm này rồi, thân thẳng đứng ý trong sáng mà ngồi trang nghiêm. Sau đó Ma vương dẫn theo ba mươi sáu Câu-chi quân ma, tất cả đều hiện ra các loại hình tướng đáng sợ, cầm giữ vũ khí đánh nhau với vô biên chủng loại sắc thái, bao trùm phạm vi ba mươi sáu Du-thiện-na, cùng lúc lao nhanh đến dưới tán cây Bồ-đề.

Lúc bấy giờ Bồ-tát bảo với Ma vương rằng: Xưa ông chỉ tổ chức một hội bố thí lớn mà tác dụng thần kỳ hãy còn như vậy, Ta ở xưa kia tổ chức trăm ngàn vạn ức hội Vô giá, số lượng ấy khó biết hết, huống hồ công đức khác thì ông đều hết phần, tại sao đến đây muốn làm phiền nhau vậy? Lúc ấy Ma vương xấu ác nói với Bồ-tát: Công đức của Ta lấy ông làm chứng, công đức của ông thì ai lại làm chứng? Bồ-tát liền duỗi tay trang nghiêm bằng tướng tốt vỗ vào mặt đất phía trước chỗ ngồi, lúc ấy dưới mặt đất kia phát ra sấm sét gầm vang, sáu loại chấn động dữ dội. Quân ma đã nghe mà kinh hãi rút lui tán loạn, biết mình không phải là đối thủ cho nên tất cả tự trở về cung của mình. Bồ-tát đã thành tựu sự nghiệp sinh ra mắt tai chỉ nghe-thấy xa nhất là một Du-thiện-na; quân ma đã cách xa, muốn nghe tiếng của chúng có bình luận điều gì, liền khởi lên Thiên nhĩ; đã nghe rõ tiếng rồi, muốn trông thấy sắc mặt của chúng đang hiện ra như thế nào, lại khởi lên Thiên nhãn; đã trông thấy sắc mặt rồi, muốn biết tâm của chúng đang suy nghĩ thế nào, khởi lên Tha tâm Thông, biết tâm của Thiên chúng-Đế Thích sinh niềm vui mừng, tâm của quyến thuộc Ma vương sinh ra ganh ghét bực tức.

“Bồ-tát ngay sau đó lại tư duy kỹ càng, vì sao quân ma phát khởi sự việc xấu ác này? Biết rõ phát khởi sự việc xấu ác đều bởi vì năm dục, đắm say năm dục đều bởi vì phiền não. Đã chán ngán phiền não liền hết sạch các lậu, chứng được Vô thượng Chánh đẳng Bồ-đề.”

Vì vậy, muốn lần lượt làm cho ma oán phải hàng phục, cho nên đầu-giữa và cuối đêm đều dấy khởi Thông-Minh.

Lúc Hiện quán về Đế thì đầu tiên ở đâu mà được chứng tịnh, là Phật-là pháp hay là Tăng?

Hỏi: Vì sao soạn ra phần luận này?

Đáp: Vì ngăn chặn tông chỉ của nga khác để hiển bày về Chánh lý. Nghĩa là hoặc có người nói: Đối với bốn Thánh đế Hiện quán cùng một lúc. Như Luận giả Phân Biệt đã nói.

Hỏi: Tại sao vị ấy đưa ra cách nói này?

Đáp: Vị ấy dựa vào kinh, như “Đức Thế Tôn nói: Nếu đối với Khổ đế không có gì nghi hoặc, thì đối với Tập-Diệt-Đạo đế cũng không có gì nghi hoặc.” Đã lập tức không có gì nghi hoặc gì đối với bốn Đế, cho nên biết Hiện quán nhất định mau chóng chứ không phải là từ từ. Vì ngăn chặn ý đó để hiển bày lúc Hiện quán, đối với bốn Thánh đế nhất định từ từ chứ không phải là mau lẹ, nếu không như vậy thì trái với kinh. Như trong kinh nói: “Trưởng giả Cấp-cô-độc đi đến nơi Đức Phật, đảnh lễ dưới chân Đức Phật rồi thưa với Đức Phật rằng: Thưa Đức Thế Tôn! Các sư Du-già đối với bốn Thánh đế, là mau chóng Hiện quán hay là từ từ hiện quán? Đức Phật bảo với Cư sĩ: Các sư Du-già đối với bốn Thánh đế nhất định từ từ Hiện quán, như pháp từ từ bước lên bốn bậc thang.”

Hỏi: Nếu từ từ Hiện quán đối với bốn Đế, thì làm sao giải thích thông suốt về kinh mà Luận giả Phân Biệt đã dẫn chứng?

Đáp: Kinh mà vị ấy đã dẫn chứng nên nói như vậy: Nếu đối với Đạo đế không có gì nghĩa hoặc, thì đối với Khổ-Tập-Diệt đế cũng không có gì nghi hoặc. Nhưng mà không nói ra như vậy, thì nên biết là có ý nghĩa khác. Nghĩa là kinh ấy nói đến người đã đạt được quả, nếu đối với Khổ đế không có gì nghi hoặc, thì đối với ba Đế còn lại cũng không có gì nghi hoặc, bởi vì nghi ngờ sai lạc về bốn Đế đều đã đoạn trừ.

Tôn giả Thế Hữu đưa ra cách nói như vậy: “Ý trong kinh ấy nói: Nghi không hiện hành. Nghĩa là sư Du-già, nếu đối với Khổ đế đã tiến vào Hiện quán không có gì nghi hoặc, thì đối với ba Đế còn lại vốn có nghi hoặc, có thể tuy chưa đoạn mà vĩnh viễn không hiện hành, bởi vì lúc ấy đã đạt được Phi trạch diệt.”

Đại đức nói rằng: “Nếu ban đầu có thể tiến vào Chánh tánh ly sinh, thì đối với các Đế quý báu đều gọi là hiện Tín.”

Hỏi: Đại đức kia cũng nói đối với bốn Thánh đế vào lúc đạt được Hiện quán thì từ từ mà không phải là mau chóng, nay tại sao đưa ra cách nói này?

Đáp: Vị ấy nói nếu lúc trú vào Khổ pháp nhãn, nếu đối với bốn Đế đều không đạt được Tín thì chắc chắn không có nghĩa về Trú. Như cầm đồ vật bằng đất nung đi lên trên gác cao ném vào mặt đất, trong thời gian chưa đến mặt đất tuy chưa vỡ mà chắc chắn sẽ vỡ, cho nên cũng mang lấy tên gọi là vỡ; ở đây cũng như vậy.

Vì thế cho nên để ngăn chặn tông chỉ của người khác đã nói và hiển bày về Chánh lý mà soạn ra phần luận này.

Trong này, Phật nghĩa là các pháp Vô học trong thân Phật, duyên

với Tín vô lậu kia, gọi là Phật chứng tịnh.

Trong này, Pháp nghĩa là pháp học-Vô học như ba căn vô lậu... trong thân Độc giác, các pháp Học như hai căn vô lậu... trong thân Bồ-tát, và ba đế Khổ-Tập-Diệt duyên với Tín vô lậu kia, gọi là Pháp chứng tịnh.

Trong này, Tăng nghĩa là pháp Học-Vô học trong thân Thanh văn, duyên với Tín vô lậu kia, gọi là Tăng chứng tịnh. Các Giới vô lậu gọi là Giới chứng tịnh, tự tánh thanh tịnh dựa vào Chứng mà dấy khởi, cho nên cũng gọi là Chứng tịnh.

Nếu lúc Hiện quán về Khổ-Tập-Diệt thì đầu tiên được chứng tịnh đối với pháp, lúc Hiện quán về Đạo thì đầu tiên được Chứng tịnh đối với Phật-Pháp-Tăng.

Trong này, lúc Hiện quán về Khổ thì đầu tiên được Chứng tịnh đối với pháp, nghĩa là ngay nơi pháp Khổ đạt được Tín vô lậu.

Hiếp Tôn giả nói: “Lúc bấy giờ đối với Khổ tin là có sai lầm tai họa, cũng đối với Khổ diệt tin là có lợi ích thù thắng, đó là Khổ này diệt đi rất là thanh tịnh tuyệt vời, Khổ thô lậu thấp hèn như vậy diệt đi thì thật là vui sướng thay!”

Lúc Hiện quán về Tập thì đầu tiên được Chứng tịnh đối với Pháp, nghĩa là ngay nơi pháp Tập đạt được Tín vô lậu.

Hiếp Tôn giả nói: “Lúc bấy giờ đối với Tập tin là có sai lầm tai họa, cũng đối với Tập diệt tin là có lợi ích thù thắng, đó là Tập này diệt đi rất là thanh tịnh tuyệt vời, Tập thô lậu thấp hèn như vậy đi thật là vui sướng thay!”

Lúc Hiện quán về Diệt thì đầu tiên được Chứng tịnh đối với Pháp, nghĩa là ngay nơi pháp Diệt đạt được Tín vô lậu, tin vào lợi ích thù thắng của Diệt rất là thanh tịnh tuyệt vời, đó là pháp hữu lậu hoàn toàn vắng bật rỗng rang thật là vui sướng.

Hỏi: Lúc đạt được Hiện quán đối với ba Thánh đế, mỗi một Thánh đế đều đạt được hai loại Chứng tịnh, đó là Tín và Giới, tại sao trong này chỉ nói đạt được Tín?

Đáp: Nên nói đạt được hai loại mà không nói, thì phải biết là trong này có cách nói khác. Lại nữa, trong này không những hỏi về người nào đạt được mấy loại Chứng tịnh, mà còn hỏi đến người nào đạt được mấy duyên Chứng tịnh thuộc Bảo nào? Giới không có sở duyên, cho nên tuy đạt được mà không nói đến.

Có người đưa ra cách nói này: Đầu tiên được Chứng tịnh đối với pháp, không nói là chỉ có thể duyên với Pháp Chứng tịnh, chỉ nói đối

với Pháp mà được Chứng tịnh, Tín và Giới cùng nhờ vào Pháp bảo mà đạt được, cho nên đều được gọi là Pháp Chứng tịnh.

Lúc Hiện quán về Đạo thì đầu tiên được Chứng tịnh đối với Phật-Pháp-Tăng, các Sư nước ngoài đưa ra cách nói như vậy: “Lúc Hiện quán về Đạo, trong ba sát-na tức là hiện tại Tín và tùy chuyển Giới, nên biết có đủ nghĩa của bốn Chứng tịnh, nghĩa là ngay Tín này duyên với pháp Vô học trong thân Phật, cho nên gọi là Phật Chứng tịnh; Tín này lại duyên với pháp Học-Vô học trong thân Độc giác, các pháp Học trong thân Bồ-tát, cho nên gọi là Pháp Chứng tịnh; Tín này lại duyên với pháp vô lậu trong thân Thanh văn, cho nên gọi là Tăng Chứng tịnh. Tùy chuyển Giới này gọi là Giới Chứng tịnh.”

Lời bình: Họ không nên đưa ra cách nói này, bởi vì lúc hiện tại Tín duyên chung với pháp vô lậu của ba Thừa, chỉ tạp duyên thuộc về Pháp Chứng tịnh. Nhưng ngay lúc Tín này hiện rõ ở trước mắt, cũng tu Tín trong nhiều sát-na thuộc vị lai, ở trong Tín thuộc vô lượng sát-na này, nếu có lúc chỉ duyên với pháp Vô học của Phật thì gọi là Phật Chứng tịnh; nếu có lúc chỉ duyên với pháp Vô lậu của Độc giác và Bồ-tát, thì duyên không xen tạp thuộc về Pháp Chứng tịnh; nếu có lúc chỉ duyên với pháp Học-Vô học trong thân Thanh văn thì gọi là Tăng Chứng tịnh. Nếu có lúc duyên xen tạp với pháp vô lậu trong thân Phật-Độc giác và Bồ-tát; nếu có lúc duyên xen tạp với pháp vô lậu trong thân Phật và Thanh văn; nếu có lúc duyên xen tạp với pháp vô lậu trong thân Độc giác, Bồ-tát và Thanh văn. Nếu có lúc duyên xen tạp với pháp vô lậu trong thân Phật và Độc giác, Bồ-tát, Thanh văn; thì đều là duyên xen tạp thuộc về pháp Chứng tịnh. Tín hiện tại-vị lai và tùy chuyển Giới là Giới Chứng tịnh.

Như phần vị Kiến đạo lúc hiện quán về Đạo về ba sát-na, lúc Đạo loại trí nên biết cũng như vậy. Có điểm sai biệt là trong ba sát-na thì chỉ tu các Tín và Giới duyên với Đạo, Đạo loại trí thì tu các Tín và Giới duyên với bốn Đế.

Hỏi: Diệt đế-Đạo đế là sự thanh tịnh, là nơi đáng tin, lúc hiện quán hai đế này thì có thể được Chứng tịnh; Khổ đế-Tập đế là sự tạp nhiễm, không phải là nơi đáng tin, bởi vì là nơi nương tựa của các ác hành-điên đảo-phiền não, lúc Hiện quán hai Đế kia thì làm sao cũng được Chứng tịnh?

Đáp: Bởi vì hai duyên mà được Chứng tịnh:

1. Bởi vì có thể tin.
2. Bởi vì có thể cầu.

Đối với Diệt đế-Đạo đế bởi vì hai duyên đầy đủ mà được Chứng tịnh; đối với Khổ đế-Tập đế chỉ bởi vì một duyên mà được Chứng tịnh, đó là có thể tin mà không phải là có thể cầu. Như người đào hố ở nơi có vật báu..., người ấy có tin-có cầu đối với nơi này; nếu người đào hố ở nơi không có vật báu..., thì người ấy có tin-mà không có cầu, nơi này tuy không có những vật báu-nước trong..., nhưng có công việc mà phải đào bởi nơi ấy. Ở đây cũng như vậy, cho nên không có gì sai.

Tôn giả Diệu Âm đưa ra cách nói như vậy: “Các sư Du-già, trước tiên thấy Khổ-Tập có sai lầm tai họa, về sau đối với Diệt-đạo thấy có lợi ích thù thắng, đó là Diệt-Đạo này rất là thanh tịnh tuyệt vời, bởi vì vĩnh viễn chấm dứt và có năng lực trừ bỏ Khổ đế-Tập đế xấu ác như vậy. Vì vậy hành giả đối với Khổ đế-Tập đế tuy không hề mong cầu mà cũng được Chứng tịnh.”

Hiếp Tôn giả nói: “Các sư Du-già, vì sự bức bách phiền muộn của Khổ đế và Tập đế, cho nên đối với Diệt-Đạo thấy có lợi ích thù thắng, ví như có người do mưa gió bức ngặt, thì thấy mái nhà là nơi có thể quay về nương tựa, cho nên đối với Khổ-Tập tuy không hề mong cầu mà cũng được Chứng tịnh.”

Các sư Du-già, đều đối với Diệt đế do hai duyên mà được Chứng tịnh:

1. Do đáng tin cậy.
2. Do đáng mong cầu.

Không phải là đối với Đạo đế đều do hai duyên mà được Chứng tịnh, nghĩa là người Tùy tín hành đối với đạo của Tùy tín hành và Tùy pháp hành, cùng do hai duyên mà được Chứng tịnh; đối với đạo của Tùy tín hành, chỉ do một duyên mà được Chứng tịnh, đó là đáng tin cậy chứ không phải là sự mong cầu. Người Tín thắng giải đối với đạo của Tín thắng giải và Kiến chí, cùng do hai duyên mà được Chứng tịnh. Nếu người Kiến chí thì đối với đạo của Kiến chí, do hai duyên đầy đủ mà được Chứng tịnh; đối với đạo của Tín thắng giải, chỉ do một duyên mà được Chứng tịnh, đó là đáng tin cậy chứ không phải là sự mong cầu. Thời giải thoát đối với đạo của Thời giải thoát và Bất thời giải thoát, cùng do hai duyên mà được Chứng tịnh. Bất thời giải thoát đối với đạo của Bất thời giải thoát, do hai duyên đầy đủ mà được chứng tịnh; đối với đạo của Thời giải thoát, chỉ do một duyên mà được Chứng tịnh, đó là đáng tin cậy chứ không phải là sự mong cầu. Thanh văn Thừa đối với đạo của ba Thừa, đều do hai duyên mà được Chứng tịnh. Độc giác Thừa đối với đạo của Thừa trên mình và Thừa của mình, cùng do hai

duyên mà được Chứng tịnh; đối với đạo của Thanh văn Thừa, chỉ do một duyên mà được Chứng tịnh, đó là đáng tin cậy chứ không phải là sự mong cầu. Phật Thừa đối với đạo của Phật Thừa, do hai duyên đầy đủ mà được Chứng tịnh; đối với đạo của hai Thừa, chỉ do một duyên mà được Chứng tịnh, đó là đáng tin cậy chứ không phải là sự mong cầu.

Hỏi: Nếu duyên với pháp Vô học trong thân Xá-lợi-tử mà khởi lên Tín vô lậu, thì đó là Pháp Chứng tịnh, hay là Tăng Chứng tịnh? Giả sử như vậy thì có gì sai? Nếu là pháp Chứng tịnh, thì đó là duyên với pháp Vô học của Thanh văn mà khởi lên, làm sao gọi là Pháp Chứng tịnh? Nếu là Tăng Chứng tịnh, thì tại sao chỉ có một Bồ-đặc-già-la mà được gọi là Chứng?

Đáp: Nên đưa ra cách nói này: Là Tăng Chứng tịnh.

Hỏi: Vị ấy đã chỉ có một mình thì làm sao gọi là Tăng?

Đáp: Xá-lợi-tử là bậc tôn quý-thù thắng nhất trong Thanh văn Thừa, tuy là chỉ có một Bồ-đặc-già-la, mà Tăng Chứng tịnh dựa vào pháp để kiến lập, chứ không phải là dựa vào Bồ-đặc-già-la, bởi vì duyên với pháp Vô học của Thanh văn Thừa mà khởi lên Tín vô lậu, chứ không phải là Tín vô lậu duyên với hữu tình giả tạm.

Nếu dựa vào Vị chí Định, chưa từng đạt được Phật Chứng tịnh hiện rõ ở trước mắt, thì hiện tại tu hai chứng tịnh, vị lai tu bốn Chứng tịnh; từng đạt được Phật Chứng tịnh hiện rõ ở trước mắt, thì hiện tại tu hai Chứng tịnh, vị lai không có. Cho đến dựa vào Tĩnh lực thứ tư, nên biết cũng như vậy.

Nếu dựa vào Vô-sắc Định, lúc Phật Chứng tịnh chưa từng đạt được hiện rõ ở trước mắt, thì hiện tại tu một Chứng tịnh, vị lai tu bốn Chứng tịnh; lúc Phật Chứng tịnh đã từng đạt được hiện rõ ở trước mắt, thì hiện tại tu một Chứng tịnh, vị lai không có. Như Phật Chứng tịnh, nên biết ba Chứng tịnh còn lại cũng như vậy; có điểm sai biệt là trong Vô-sắc Định không có Giới Chứng tịnh.

Hỏi: Vì sao kiến lập bốn Chứng tịnh? Bởi vì tự Thể, hay là vì sở duyên? Nếu vì Tự thể thì chỉ cần có hai, đó là Tín và Giới. Nếu vì sở duyên thì chỉ cần có ba, đó là Phật-Pháp-Tăng Chứng tịnh, bởi vì Giới không có sở duyên.

Đáp: Nên đưa ra cách nói này: Cũng vì tự thể-cũng vì sở duyên mà kiến lập bốn Chứng tịnh, nghĩa là dùng tự Thể mà kiến lập Giới Chứng tịnh, ở vì Hoặc không có sở duyên; dùng sở duyên mà kiến lập ba Chứng tịnh còn lại, bởi vì Tín duyên với Tam bảo.

Như dùng tự Thể-dùng sở duyên mà kiến lập, dùng tự Thể-dùng

Tam Bảo, dùng tự Thể-dùng tùy niệm mà kiến lập, nên biết cũng như vậy. Đó gọi là bốn tánh-tướng phần-tự Thể-ngã vật-tự tánh của Chứng tịnh. Đã nói về tự tánh, nguyên cơ nay sẽ nói đến.

Hỏi: Vì sao gọi là Chứng tịnh, Chứng tịnh là nghĩa gì?

Đáp: Tịnh nghĩa là Tín và Giới, bởi vì lìa bỏ cấu uế; đối với bốn Thánh đế quán sát từng Đế riêng biệt, trừ lượng từng Đế riêng biệt, giác chứng từng Đế riêng biệt, mà đạt được pháp tịnh này cho nên gọi là Chứng tịnh.

Hiếp Tôn giả nói: “Pháp tịnh này nên gọi là Bất hoại. Tịnh nói là Bất hoại, bởi vì không bị Bất tín và các ác giới làm cho phải phá hoại. Tịnh nghĩa là thanh tịnh, Tín là tướng thanh tịnh của tâm, Giới là tướng thanh tịnh của Đại chủng.”

Tôn giả Thế Hữu đưa ra cách nói như vậy: “Pháp này nên gọi là Tịnh không đoạn mất, nghĩa là đạt được pháp này rồi, không có Sa-môn Bà-la-môn... nào có khả năng làm cho mất đi, khiến cho đoạn dứt. Như trong kinh nói: Pháp này gọi là Kiến làm cho mất đi, khiến cho căn ấy đoạn hoại.”

Đại đức nói rằng: “Nếu đối với Phật pháp không có thể quán sát-trừ lượng-giác chứng, thì Tín-Giới đã đạt được dễ dàng có thể lay động thay đổi, như thuyền trên mặt trước. Nếu đối với Phật pháp có thể quán sát-trừ lượng-giác chứng chính xác, thì Tín-Giới đã đạt được không thể nào lay động biến chuyển, bởi vì giống như cột đá vững vàng. Pháp này đích thực nên gọi là Tịnh bất động.”

Tôn giả Diệu Âm đưa ra cách nói như vậy: “Bốn loại như vậy nên gọi Kiến tịnh, bởi vì thấy rõ bốn Thánh đế mà đạt được pháp tịnh này; hoặc nên gọi là Tuệ tịnh, bởi vì Thánh tuệ cùng chuyển.”

Hỏi: Vì sao Đức Thế Tôn trước tiên nói về Phật Chứng tịnh, cho đến sau cùng nói về Giới Chứng tịnh?

Đáp: Nếu đưa ra cách nói này, thì bởi vì pháp thứ tự tùy thuận với văn từ. Lại nữa, bởi vì pháp thứ tự tùy thuận với người nói-người tiếp nhận-người giữ gìn.

Lại nữa, Phật là người chủ động nói cho nên thuận theo đầu tiên, Tín pháp là điều được nói đến cho nên thuận theo sau, Tín Tăng là điều đã làm cho nên thuận theo sau, Tín Giới là nơi an trú của Tăng cho nên nói cuối cùng.

Lại nữa, Phật như thầy thuốc giỏi cho nên thuận theo đầu tiên, Tín pháp như lúc không có bệnh cho nên thuận theo sau, Tín Tăng như người khám bệnh cho nên thuận theo sau, Tín Giới như vị thuốc tuyệt

vời cho nên nói sau cùng.

Lại nữa, Phật như người chủ buôn có năng lực chỉ rõ đường đi cho nên thuận theo đầu tiên, Tín pháp như hòn đảo quý báu là nơi đích thực hưởng đến cho nên thuận theo sau, Tín Tăng như bạn buôn có năng lực làm bạn đường giúp nhau cho nên thuận theo sau, Tín giới như lương thực tiền bạc có thể đích thực duy trì giữ gìn cho nên nói sau cùng.

Lại nữa, Phật như người lái thuyền cho nên thuận theo đầu tiên, Tín pháp như bờ bên kia cho nên thuận theo sau, Tín Tăng như bạn cùng đi thuyền cho nên thuận theo sau, Tín Giới như tàu thuyền-bè mảng cho nên nói sau cùng.

Bởi vì những duyên này, cho nên bốn Chứng tịnh này thuận theo thứ tự như vậy.

Như trong kinh nói: “Giới mà bậc Thánh yêu quý không phá hỏng-không chọc thủng không xen tạp-không xấu ác, do bậc Thánh tiếp nhận sử dụng chứ không phải là do phạm giữ lấy, người trí đã ca ngợi, có thể dễ dàng đến nơi cuối cùng, có thể dễ dàng làm cho phát sinh.”

Hỏi: Vì sao gọi là Giới mà bậc Thánh yêu quý?

Đáp: Bởi vì là nơi nương tựa của các công đức, nghĩa là các Thánh giả yêu thích công đức cho nên yêu quý Giới này. Như người yêu quý vật báu cũng coi trọng đồ đựng vật báu; như vậy Thánh giả yêu thích vật báu công đức của pháp phần Bồ đề thanh tịnh, cho nên cũng yêu quý đồ đựng mà Giới đã nương tựa như vậy. Lại nữa, Thánh giả chán ghét các Giới rách hỏng-Giới xấu ác, Giới có năng lực đối trị với Giới rách hỏng-xấu ác, cho nên Thánh giả yêu quý Giới? Lại nữa, Thánh giả chán ghét các nẻo hiểm ác, Giới có năng lực vượt lên trên các nẻo hiểm ác, cho nên Thánh giả yêu quý Giới. Lại nữa, Thánh giả chán ghét sinh tử lưu chuyển, Giới có năng lực vượt lên trên sinh tử lưu chuyển, cho nên Thánh giả yêu quý Giới. Lại nữa, Thánh giả yêu quý Niết-bàn, Giới có năng lực hướng đến Niết-bàn, cho nên Thánh giả yêu quý Giới.

Như trong kinh nói: “Giới có năng lực lần lượt chuyển tiếp hưởng về Niết-bàn, cho nên Thánh giả yêu quý và vui với Giới.”

Hỏi: Không phá hỏng-không chọc thủng-không xen tạp-không xấu ác, bốn câu như vậy có gì sai biệt?

Đáp: Có nơi nói không có sai biệt, bởi vì bốn loại như vậy, thanh âm tuy có khác mà nghĩa không có khác nhau, như luận Tập Dị Môn nói: “Đối với các Giới này luôn luôn thực hiện-luôn luôn chuyển biến, khuyến khích thực hiện-khuyến khích chuyển biến, cũng gọi là không phá hỏng, cũng gọi là không chọc thủng, cũng gọi là không xen tạp,

cũng gọi là không xấu ác.” Vì vậy biết là bốn loại này thanh âm khác mà nghĩa giống nhau.

Có nơi nói bốn loại này cũng có sai biệt, đó là tên gọi đã có sai biệt, loại này gọi là không phá hỏng, loại này gọi là không chọc thủng, loại này gọi là không xen tạp, loại này gọi là không xấu ác.

Lại nữa, đối với tỳ phạm thứ nhất không vượt qua sai trái, cho nên gọi là không phá hỏng; đối với tỳ phạm thứ hai không vượt qua sai trái, cho nên gọi là không chọc thủng; đối với tỳ phạm thứ ba-thứ tư không vượt qua sai trái, cho nên gọi là không xen tạp; đối với tỳ phạm thứ năm không vượt qua sai trái, cho nên gọi là không xen tạp; đối với tỳ phạm thứ năm không vượt qua sai trái, cho nên gọi là không xấu ác.

Lại nữa, không vượt qua sai trái cho nên gọi là không phá hỏng, không dựa vào tham cho nên gọi là không chọc thủng, không dựa vào sân cho nên gọi là không xen tạp, không dựa vào si cho nên gọi là không xấu ác.

Lại nữa, không vượt qua sai trái cho nên gọi là không phá hỏng, dựa vào không tham cho nên gọi là không chọc thủng, dựa vào không sân cho nên gọi là không xen tạp, dựa vào không si cho nên gọi là không xấu ác.

Lại nữa, không vượt qua sai trái cho nên gọi là không phá hỏng, dựa vào Xa-ma-tha cho nên gọi là không chọc thủng, dựa vào Tỳ-bát-xá-na cho nên gọi là không xen tạp, có thể đoạn phiền não cho nên gọi là không xấu ác.

Lại nữa, không vượt qua sai trái cho nên gọi là không phá hỏng, không bị sự tìm kiếm xấu ác làm cho tổn hoại cho nên gọi là không chọc thủng, tự Thể an trú vững chắc cho nên gọi là không xen tạp, rất thanh tịnh cho nên gọi là không xấu ác.

Lại nữa, tự tánh vững vàng mạnh mẽ cho nên gọi là không phá hỏng, lìa xa những việc làm sai trái cho nên gọi là không chọc thủng, không phạm vào giới xấu ác làm cho lẫn lộn với nhau cho nên gọi là không xen tạp, không rời bỏ ý thích tốt lành cho nên gọi là không xấu ác.

Trong này lại nói, do bậc Thánh tiếp nhận sử dụng, là nơi nương tựa của các công đức; không phải là do phạm phu giữ lấy, là không phải các dị sinh chấp vào Giới thanh tịnh này làm đạo thực sự; người trí đã ca ngợi, là Phật và đệ tử của Phật đã ca ngợi; có thể dễ dàng đến nơi cuối cùng, là cùng lúc trọn vẹn đầy đủ, có thể dễ dàng làm cho phá sinh, là có năng lực dẫn đến quả yêu quý.

Như trong kinh nói: “Có voi chúa to lớn dùng Tín làm tay, dùng Xả làm ngà, dùng Tuệ làm đầu, dùng Niệm làm cổ, ở trên hai vai mang nhiều pháp thiện.”

Hỏi: Tại sao Đức Thế Tôn nói dùng Tín làm tay?

Đáp: Bởi vì giữ lấy pháp thiện, như voi có tay có thể giữ lấy nhiều vật hữu tình-vô tình, như vậy Thánh giả có bàn tay của Tín, cho nên có thể giữ lấy các loại pháp thiện vi diệu, vì thế cho nên Đức Thế Tôn nói dùng Tín làm tay. Như trong kinh nói: “Tỳ-kheo nên biết! Trong cõi trời luôn luôn có bốn thanh âm khởi lên. Thế nào là bốn? Đó là nếu ở nơi này có đệ tử bậc Thánh thành tựu phần lớn trú vào Phật Chứng tịnh, lúc bấy giờ thành tựu Phật Chứng tịnh, thì chư Thiên vui mừng hơn hờ cao tiếng nói to rằng: Trước đây tôi thành tựu Phật Chứng tịnh cho nên đã sinh đến nơi này, nay đệ tử bậc Thánh thành tựu phần lớn trú vào Phật Chứng tịnh, cho nên cũng sẽ sinh trong chúng đồng phần với tôi, làm bạn cùng với tôi, thật là vui sướng thay!” Thành tựu phần nhiều trú vào ba Chứng tịnh còn lại, nói rộng ra cũng như vậy.

Hỏi: Đệ tử bậc Thánh nơi này và chư Thiên kia, đều thành tựu đầy đủ bốn loại Chứng tịnh, tại sao nói có người thành tựu phần lớn trú vào Thân Chứng tịnh, cho đến nói có người thành tựu phần lớn trú vào Giới Chứng tịnh?

Đáp: Dựa vào lúc tu gia hạnh tiến vào pháp mà nói, nghĩa là hoặc có hành giả cầu mong Phật Chứng tịnh, chịu khó tu gia hạnh mà tiến vào Thánh đạo, cho đến hoặc có hành giả cầu mong Giới Chứng tịnh, chịu khó tu gai hạnh mà tiến vào Thánh đạo, cho nên nói như vậy. Lại nữa, dựa vào phần nhiều yêu thích tác ý mà nói, nghĩa là hoặc có hành giả phần nhiều yêu thích tác ý duyên với Phật, cho đến hoặc có hành giả phần nhiều yêu thích tác ý duyên vào Giới, cho nên nói như vậy.

Như trong kinh nói: “Đức Phật bảo với Tỳ-kheo: Nếu có người tin và vui với điều ông đã nói, thì ông nên thương xót phương tiện vì họ nói về bốn loại Chứng tịnh, khuyến khích làm cho an trú để tự điều phục mình. Nguyên cơ thế nào? Bởi vì đối với bốn Đại chủng có thể làm cho biến đổi, thành tựu bốn Chứng tịnh như vậy thì cuối cùng không có biến đổi.”

Hỏi: Vì sao Đức Thế Tôn nói ra kinh này?

Đáp: Bởi vì chỉ rõ nghi thức nói pháp của vị thầy nói pháp, nghĩa là có người nói mà không biết người tiếp thu là có trình độ hay là không có trình độ, tùy tiện như vậy mà nói cho họ, khiến cho người tiếp điều kia, hoặc là sinh tâm khinh mạn, hoặc là sinh tâm khiếp sợ, trống rỗng

không được gì. Vì vậy Đức Thế Tôn nói: Nếu có người tin và vui với điều ông đã nói, thì ông nên thương xót mà phương tiện nói cho họ, không được tùy tiện như thế!

Lại nữa, bởi vì chỉ rõ cách báo ân thực sự của người báo ân. Như trong kinh khác nói: “Tỳ-kheo nên biết! Nếu có người con hiếu thảo, một vai cõng cha-một vai gánh mẹ, trải qua trăm năm đi khắp mọi nơi, hãy còn không phải là chân thật báo ân cha mẹ. Nếu có người con hiếu thảo, có thể khuyến khích cha mẹ, đối với Phật-Pháp-Tăng và các pháp về nhân quả..., chưa tin thì làm cho tin, tin rồi làm cho tăng lên; không có Giới thanh tịnh thì khuyến khích thọ trì Giới cấm, có tánh tha, lam keo kiệt thì khuyến khích thực hành bố thí, không có Tuệ thù thắng thì khuyến khích tu Tuệ thù thắng, khiến cho khéo léo an trú để tự điều phục mình, đó mới gọi là chân thật báo ân cha mẹ.” Vì vậy trong kinh này dạy bảo về nghĩa thức nói pháp hợp với người nghe.

Hỏi: Trong pháp của chư Phật có vô lượng chủng loại công đức pháp bảo, đều cần phải nói rõ ràng cho người khác, vì sao ở đây chỉ khiến nói cho họ về bốn Chứng tịnh? Đáp: Nên biết trong này lấy Chứng tịnh làm đầu, dù sao cũng phải khiến nói cho người khác về các công đức quý báu.

Hiếp Tôn giả nói: “Trong này, Đức Thế Tôn dùng thanh Chứng tịnh để nói về các Thánh đạo, nghĩa là các Thánh đạo hoặc là tương ứng, không là cùng có, nếu nói đến Tín thì nên biết là nói chung về Thánh đạo tương ứng, nếu nói đến Giới thì nên biết là nói chung về Thánh đạo cùng có.”

Lại nữa, trong này sơ lược hiển bày về pháp môn bắt đầu tiến vào, nghĩa là các công đức quý báu trong Phật pháp, hoặc là pháp thuộc về sắc, hoặc là pháp thuộc về phi sắc; nếu nói đến Giới thì nên biết là nói chung về pháp bảo thuộc sắc, nếu nói đến Tín thì nên biết là nói chung về pháp thuộc phi sắc.

Như sắc-phi sắc, như vậy tương ứng-không tương ứng, có sở y-không có sở y, có sở duyên, có hành tướng-không có hành tướng, có cảnh giác-không có cảnh giác, là căn-không phải là căn ..., nên biết cũng như vậy.

Lại nữa, bốn Chứng tịnh này có tướng bất hoại và tướng thành tựu, cho nên chỉ nói đến nó.

Lại nữa, dựa vào bốn Chứng tịnh đã dẫn đến đẳng lưu, thi thiết bốn quả Sa-môn thù thắng, cho nên chỉ nói đến nó.

Lại nữa, bốn Chứng tịnh này có năng lực ngăn chặn sự sợ hãi nề

ác và nghèo thiếu, cho nên chỉ nói đến nó. Bởi vì Giới có năng lực ngăn chặn sợ hãi nẻo ác, Tín có năng lực ngăn chặn sợ hãi nghèo túng. Tuy Tín-Giới vô lậu không dẫn đến quả dị thực, mà Tín-Giới vô lậu nhất định cùng với Tín-Giới hữu lậu dẫn dắt phát sinh lẫn nhau, cho nên có năng lực ngăn chặn hai loại sợ hãi.

Lại nữa, vì muốn phương tiện dẫn dắt có thể cảm hóa hữu tình ngoại đạo tiến vào Phật pháp. Nghĩa là các Tỳ-kheo hoặc có thân thuộc, trước kia là ngoại đạo vì tình thân ái cho nên đến thăm hỏi lẫn nhau, lúc ấy các Tỳ-kheo không giữ ý với họ, ca ngợi Phật pháp-chê bai ngoại đạo, làm cho họ cảm tức càng xa rời Phật pháp. Vì vậy Đức Thế Tôn bảo: Tỳ-kheo các ông, không có những đức như Lực-Vô úy-Đại bi..., không biết căn cơ ham muốn và tánh hạnh của hữu tình, không nên tùy tiện nói pháp cho người khác. Nếu có người tin thích điều ông đã nói, thì ông nên thương xót tìm phương tiện nói về bốn loại Chứng tịnh cho họ, khuyến khích giúp cho an trú để tự điều phục mình. Nguyên cơ thế nào? Bởi vì đối với bốn Đại chủng có thể làm cho biến đổi, thành tựu bốn loại Chứng tịnh như vậy thì cuối cùng không có biến đổi.

Hỏi: Tánh của tất cả các pháp đều không biến đổi, tại sao chỉ nói đến bốn Đại chủng?

Đáp: Muốn dùng bốn pháp để hiển bày bốn pháp. Lại nữa, các sư Du-già trước là quán xét bốn Đại chủng không có tướng biến đổi, sau thì quán xét tánh các pháp không biến đổi, tâm liền vui sướng, cho nên chỉ nói đến bốn Đại chủng. Lại nữa, bởi vì bốn Đại chủng có năng lực duy trì tất cả sinh tử lưu chuyển, cho nên nói đến bốn Đại. Lại nữa, bởi vì Đại chủng có năng lực duy trì năm uẩn làm cho không đoạn tuyệt, cho nên chỉ nói đến bốn Đại chủng. Lại nữa, các ngoại đạo nói Đại chủng có năm loại, tánh ấy thường tồn tại; vì đối trị điều đó cho nên Đức Phật nói chỉ có bốn mà là vô thường, giả sử Đại chủng mà ông chấp là Thường có thể làm cho biến đổi, đạt được Chứng tịnh thì cuối cùng không có biến đổi.

Như trong kinh nói: “Vua Vị Sinh Oán có thể thành tựu Tín không có căn.”

Hỏi: Các pháp hữu vi, không có pháp nào không có căn, tại sao nói Tín ấy không có căn?

Đáp: Bởi vì Tín này không có căn của Kiến đạo. Như trong kinh nói: “Đây gọi là Kiến làm căn tương ưng với trí chứng về Tín.” Nghĩa là Vị Sinh Oán đã thành tựu Tín mà không dựa vào Kiến đạo, cho nên gọi là Không có căn, nhưng tâm Tín ấy kiên cố khó hủy hoại, như dựa

vào Kiến đạo.

Lại nữa, Vị Sinh Oán đã thành tựu Tín không có thể thay đổi, như Tín vô lậu mà không có căn; Tín vô lậu dựa vào căn vô lậu, dùng trí vô lậu-căn thiện vô lậu làm căn bản.

Lại nữa, Tín này không có nhân Đồng loại cho nên nói là không có căn, nghĩa là từ vô thủy đến nay chưa đạt được Tín kiên cố như vậy; ví như có cây dựa vào đất mà mọc cành, tự mình đã không có gốc, cho nên gọi là cây không có gốc.

Lại nữa, Vị Sinh Oán đã thành tựu Tín, tự tánh kiên cố không do thân cận với Phật và chúng đệ tử của Phật mới có thể phát sinh, cho nên gọi là không có căn. Nhờ vào lực của Tín này, hoặc là cưỡi voi ngựa, hoặc ở trên lầu cao, từ xa trông thấy Đức Thế Tôn lập tức tự mình bước xuống đánh lễ sát hai chân, do lực của Tín kiên cố hoặc là uy thần của Đức Phật không hề bị thương tổn.

Lại nữa, Vị Sinh Oán đã thành tựu Tín chưa tránh khỏi nơi nẻo ác, cho nên gọi là không có căn, sau đó mạng chung tạm thời rơi vào địa ngục nhận chịu một phần khổ đau rồi mới sinh lên cõi trời.

